|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: / 2025/QĐ-UBND | *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước**

**trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

**sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh tuyên quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang* *tại Tờ trình số …/TTr- STC ngày …..tháng …. năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm... và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Số thứ tự 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764QĐ/UBND

ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nợi nhận:***  - Như Điều 2;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;  - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý  vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;  - Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;  - Công Thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;  - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Chánh VP UBND tỉnh;  - Các Phó CVP UBND tỉnh;  - Lưu VT, KTN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ PHỐI HỢP**

**Giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước**

**đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

**trên địa bàn tỉnh tuyên quang**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số …………/QĐ-UBND ngày …….. tháng ………năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ Về đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Tuyên Quang.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh với các nội dung, phạm vi thuộc lĩnh vực quản lý của mình, tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh*là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

5.*Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật chuyên ngành của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

6. *Cơ quan quản lý nhà nước*là cơ quan quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 2 Quy chế này.

7. *Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh* là phòng Doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính.

8*. Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp xã* là phòng Kinh tế tại các xã; phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại các phường.

9. *Chi nhánh* là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo uỷ quyền. Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

10. *Văn phòng đại diện* là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo uỷ quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không được thực hiện chức năng kinh doanh của doanh nghiệp.

11. *Địa điểm kinh doanh* là nơi doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.

**Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại tỉnh Tuyên Quang theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiên thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển.

**Điều 5. Nguyên tắc phối hợp**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiếp thu, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi, chức năng và lĩnh vực quản lý. Theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao.

3. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân theo pháp luật, dân chủ, công khai, khách quan, kịp thời, chính xác; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước, hoạt động kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra, kiểm tra. Khi tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp thì cơ quan tiến hành thanh tra và cơ quan thực hiện kiểm tra phối hợp để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra.

5. Việc xử lý các trường hợp vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực phải được trao đổi, thống nhất giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đảm bảo phù hợp, đúng quy định.

6. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

**Điều 6. Nội dung phối hợp**

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

**Chương II**

**TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH**

**Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

c) Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận, quyết định và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

2. Nội dung thông tin hộ kinh doanh

a) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh, các thông tin đăng ký hộ kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh, bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; tạm ngừng kinh doanh; Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

c) Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Thông tin về xử lý hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận, quyết định và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hộ kinh doanh, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

**Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

a) Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

b) Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan quản lý nhà nước có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Việc cung cấp, trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa Sở Tài chính với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 11 Quy chế này và thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

c) Các cơ quan chức năng căn cứ nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh

a) Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn xã, phường. Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh;

- Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;

b) Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp thông tin hộ kinh doanh. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Uỷ ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Việc cung cấp, trao đổi thông tin đăng ký hộ kinh doanh giữa Uỷ ban nhân dân cấp xã với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 11 Quy chế này;

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh do Uỷ ban nhân dân cấp xã cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Uỷ ban nhân dân cấp xã để yêu cầu hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Sau khi hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

c) Các cơ quan chức năng căn cứ nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về hộ kinh doanh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

**Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Trên cơ sở dữ liệu khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng hoạt động quá một năm không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền.

3. Thuế tỉnh phối hợp với cơ quan chuyên môn của uỷ ban nhân dân tỉnh có chức năng cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; rà soát tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động, doanh nghiệp, hộ kinh doanh bị đóng mã số thuế do không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được xử lý khôi phục mã số thuế do đã đề nghị hoạt động kinh doanh trở lại để các cơ quan này theo dõi và xử lý theo quy định.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phối hợp, cung cấp, công khai thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin các doanh nghiệp đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, doanh nghiệp bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, để các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi và xử lý theo quy định.

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật**

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh.

2. Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

3. UBND xã, phường phối hợp xác minh thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh.

4. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật; người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp/Tên, mã số, địa chỉ, tên chủ hộ kinh doanh; hành vi vi phạm pháp luật; hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh giữa các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này thực hiện bằng hình thức gửi văn bản bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua mạng điện tử.

2. Cơ quan quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy chế này thực hiện việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định về hình thức, phương tiện của cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương hoặc cấp có thẩm quyền.

**Chương III**

**THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH;**

**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP,**

**HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN**

**Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: Phối hợp xử phạt vi phạm hành chính; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Thanh tra tỉnh rà soát, xây dựng, đưa nội dung thanh tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vào kế hoạch thanh tra hằng năm trên cơ sở căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực và địa phương và đề nghị của các cơ quan quy định tại khoản 1,2,3 Điều 2 Quy chế này trong trường hợp vụ việc có nội dung phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc khi cần thiết.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã khi xây dựng dự thảo kế hoạch kiểm tra chuyên đề đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải gửi Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra chuyên ngành với kế hoạch thanh tra; chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành”.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khi kế hoạch kiểm tra có phạm vi, đối tượng chồng chéo, trùng lặp với kế hoạch thanh tra; chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành.

**Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh theo kế hoạch đã được ban hành. Trường hợp cần thiết đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh. Kết quả thanh tra phải được gửi cho các cơ quan chức năng phối hợp tham gia. Hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

b) Trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan làm chủ trì, các cơ quan khác cử cán bộ tham gia. Kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành phải được gửi cho tất cả các cơ quan tham gia. Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, Người ra quyết định kiểm tra ra quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Phòng Kinh tế xã, phường có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh cơ quan QLNN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nghi là giả mạo; trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý theo thẩm quyền đối với những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thuế tỉnh phối hợp xác minh về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; việc chấp hành quy định về quản lý thuế;

d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND tỉnh phối hợp xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh;

e) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

**Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân cấp xã trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan QLNN quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân các xã, phường theo dõi việc thực hiện; Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh xã, phường ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

4. Uỷ ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ gia đình đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

**Chương IV**

**BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP,**

**HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP**

**Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

**Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

1. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 01 hằng năm, các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo UBND (qua Sở Tài chính) về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước;

2. Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

4. Chậm nhất đến ngày 25 tháng 02 hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp**

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm.

**Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.